

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG LẦN 4

Đơn vị tính: 1.000 đồng

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:			Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG		63,648,955.000	-	-	18,690,000.000	-	18,690,000.000	-	43,800,000.000	6,200,000.000	-	6,200,000.000	-	63,648,955.000	24,890,000.000	-	24,890,000.000	-	
A	Lĩnh Vực Giao thông		43,800,000.000	-	-	-	-	-	-	43,800,000.000	15,000,000.000	-	15,000,000.000	-	43,800,000.000	15,000,000.000	-	15,000,000.000	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngũ Hùng (cũ), đoạn từ Nhà văn hóa thôn My Tri đến đường tỉnh 396C; đoạn từ ngã ba La Ngoại qua Nhà văn hóa thôn Tiều Lâm đến đường tỉnh 392B	QĐ số 191/QĐ-UBND ngày 15/7/2026	43,800,000.000				-		-	43,800,000.000	15,000,000.000		15,000,000.000		43,800,000.000	15,000,000.000	-	15,000,000.000	-	
B	Lĩnh vực Thủy lợi		2,980,040.000	-	-	490,000.000	-	490,000.000	-	-	1,331,085.000	-	1,331,085.000	-	2,980,040.000	1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
1	Xây mới cầu Đồng Ban, thôn Gia Cốc, xã Thanh Miện	QĐ số 107/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,980,040.000			490,000.000	-	490,000.000	-	-	1,331,085.000		1,331,085		2,980,040.000	1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
C	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		16,868,915.000	-	-	18,200,000.000	-	18,200,000.000	-	-	- 10,131,085.000	-	- 10,131,085.000	-	16,868,915.000	8,068,915.000	-	8,068,915.000	-	-
1	Điểm dân cư mới thôn Bằng Bò (khu Sau Háng)		15,000,000.000			15,000,000.000	-	15,000,000.000	-	-	8,800,000.000		- 8,800,000.000		15,000,000.000	6,200,000.000		6,200,000.000		
2	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Tri, xã Thanh Miện (giai đoạn 2)	QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	1,868,915.000			3,200,000.000	-	3,200,000.000	-	-	- 1,331,085.000		-1,331,085		1,868,915.000	1,868,915.000	-	1,868,915.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã		Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã		Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:					
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)				
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4				KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:					
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)				
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)				
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã			Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã		Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026				ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 LẦN 4					KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Tổng mức đầu tư (tất cả các nguồn vốn)	Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)			
							Nguồn NS thành phố đã bố trí giai đoạn 2021-2025	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã			Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã	Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã		Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	7=8+9+10	8	9	10	11	12=13+14+15	13	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị tính: 1.000 đồng

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG		222,147,019.000	21,548,064.000	39,500,000.000	99,755,166.125	36,989,903.000	57,840,000.000	4,925,263.125	
	Kế hoạch giao					99,755,166.125	36,989,903.000	57,840,000.000	4,925,263.125	
	Cân đối thừa thiếu					-	-	-	-	
I	Các công trình, dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang		61,048,064.000	21,548,064.000	39,500,000.000	30,050,000.000	17,780,000.000	10,270,000.000	2,000,000.000	
1	Nâng cấp, cải tạo đường xã đoạn từ đường tỉnh 392B thôn La Ngoại đi thôn Nại Tri	QĐ Số 74/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	19,600,000.000	5,600,000.000	14,000,000.000	9,800,000.000	7,280,000.000	1,520,000.000	1,000,000.000	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đi cầu Phí Xá, đường trục Đông Tây; Đoạn từ ngã 5 thôn Bằng Bộ đến trạm bơm Phạm Khê, xã Thanh Miện	QĐ Số 75/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	18,900,000.000	5,200,000.000	13,700,000.000	11,250,000.000	9,641,809.499	608,190.501	1,000,000.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn La Ngoại, xã Thanh Miện	QĐ Số 77/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	6,100,000.000	1,900,000.000	4,200,000.000	3,000,000.000	858,190.501	2,141,809.499	-	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và mở rộng bãi rác tập trung thôn An Lạc, xã Thanh Miện	QĐ Số 76/QĐ-UBND, ngày 03/10/2025	6,300,000.000	1,800,000.000	4,500,000.000	3,500,000.000	-	3,500,000.000	-	
5	Sân, vườn cỏ tích, nhà tập thể chất và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Thanh Miện (cơ sở 1)	QĐ số 16a/QĐ-UBND , ngày 1/4/2025	10,148,064.000	7,048,064.000	3,100,000.000	2,500,000.000	-	2,500,000.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
II	Các dự án đầu tư giai đoạn 2026 - 2030		161,098,955.000	-	-	69,705,166.125	19,209,903.000	47,570,000.000	2,925,263.125	0.000
A	Lĩnh vực giao thông		77,228,000.000	-	-	39,639,903.000	16,659,903.000	21,530,000.000	1,450,000.000	0
1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông đoạn từ trạm bơm Phạm Khê đến cầu Phí Xá, đường trục Đông Tây (đê bồi sông Cửu An)	QĐ số 173/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	14,000,000.000			3,900,000.000	-	3,900,000.000	-	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quỹ tín dụng Tứ Cường đi Đồng Rừng	QĐ số 174/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6,700,000.000			2,250,000.000	2,250,000.000	-	-	
3	Cải tạo, nâng cấp đường xã, đoạn từ thôn Cự Trì đến nhà văn hóa thôn My Trì	QĐ số 175/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	18,000,000.000			7,209,903.000	7,209,903.000	-	-	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Văn Giáp đi Tuệ Tĩnh (thôn Phụng Hoàng Hạ)	QĐ số 176/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	5,728,000.000			3,300,000.000	3,300,000.000	-	-	
5	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Trường Mầm non Ngũ Hùng đến nghĩa trang thôn Cự Trì	QĐ số 177/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	4,500,000.000			3,350,000.000	3,100,000.000	-	250,000.000	
6	Cải tạo nâng cấp tuyến đường từ quốc lộ 38B, địa phận thôn Phụng Hoàng Hạ đến thôn My Trì;	QĐ số 178/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	7,500,000.000			2,250,000.000	-	2,250,000.000	-	
7	Cải tạo, mở rộng đường từ sau khu đô thị Việt Hưng đến đầu làng thôn Phạm Khê	QĐ số 179/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	8,200,000.000			2,630,000.000	-	2,630,000.000	-	
8	Cải tạo, nâng cấp đường đoạn từ sau KĐT Việt Hưng đến nghĩa trang Văn Khê	QĐ số 180/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	6,500,000.000			1,650,000.000	-	1,650,000.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
9	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ nhà ông Tú đến nhà bà Cao, thôn Bằng Bộ; Hạng mục: Mặt đường BTXM, dài 190 mét	QĐ số 104/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	900,000.000			400,000.000	-	-	400,000.000	
10	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ thôn Bằng bộ đến thôn Cao Lý dài 600m	QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	900,000.000			800,000.000	800,000.000	-	-	
11	Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước của nghĩa trang các thôn Bất Nạo, Lê Bình và Phụng Hoàng Thường	QĐ số 106/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	3,000,000.000			1,800,000.000	-	1,000,000.000	800,000.000	
12	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ nhà ông Tới đến nhà ông Thọ; thôn Phù Nội; Hạng mục: Mặt đường BTXM, dài 400 mét		800,000.000			800,000.000	-	800,000.000	-	
13	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT, đoạn từ đường tỉnh 392B đến nghĩa trang Bất Nạo dài 150 m (từ chi nhánh điện Thanh Miện đến nghĩa trang Bất Nạo)		500,000.000			500,000.000	-	500,000.000	-	
14	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Ngũ Hùng (cũ), đoạn từ Nhà văn hóa thôn My Trì đến đường tỉnh 396C; đoạn từ ngã ba La Ngoại qua Nhà văn hóa thôn Tiêu Lâm đến đường tỉnh 392B	QĐ số 191/QĐ-UBND ngày 15/7/2026	43,800,000.000			8,800,000.000		8,800,000.000	-	
B	Lĩnh vực Giáo dục	0	51,672,000.000	-	-	15,700,000.000	2,550,000.000	13,150,000.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
1	Xây mới 2 tầng 2 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường THCS Thanh Miện, điểm trường số 1		4,631,399.000			1,350,000.000	-	1,350,000.000	-	
2	Xây mới 2 tầng 10 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thanh Miện (điểm trường 2)		10,100,000.000			3,000,000.000	-	3,000,000.000	-	
3	Xây mới 2 tầng 4 phòng học, Nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Ngũ Hùng		6,200,000.000			3,000,000.000	-	3,000,000.000	-	
4	Cải tạo khuôn viên trụ sở UBND xã và nhà văn hóa Cao Thắng (cũ) cho trường THCS Cao Thắng làm nhà hiệu bộ, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ		2,000,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	
5	Cải tạo khuôn viên trụ sở UBND xã Ngũ Hùng (cũ) cho trường THCS Ngũ Hùng làm nhà hiệu bộ và cơ sở giáo dục		3,000,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	
6	Nhà lớp học, phòng chức năng 3 tầng 9 phòng trường THCS Thanh Miện (điểm số 01)	QĐ số 102/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	10,000,000.000			2,550,000.000	2,550,000.000	-	-	
7	Xây mới nhà ăn Trường THCS Nguyễn Lương Bằng		7,000,000.000			1,200,000.000	-	1,200,000.000	-	
8	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Tứ Cường		8,740,601.000			2,800,000.000	-	2,800,000.000	-	
C	Lĩnh vực môi trường		2,000,000.000	-	-	600,000.000	-	600,000.000		
1	Cải tạo, mở rộng bãi rác Phạm Khê (tập trung cho các thôn của địa bàn Cao Thắng cũ)		1,000,000.000			300,000.000	-	300,000.000	-	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19
2	Cải tạo, mở rộng bãi rác thôn Phù Nội (tập trung cho các thôn của địa bàn Hùng Sơn cũ)		1,000,000.000			300,000.000	-	300,000.000	-	
D	Lĩnh vực Thủy lợi		2,980,040.000			1,821,085.000	-	1,821,085.000		
1	Xây mới cầu Đồng Ban, thôn Gia Cốc, xã Thanh Miện	QĐ số 107/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,980,040.000			1,821,085.000	-	1,821,085.000	-	
E	Lĩnh vực thiết chế Văn hóa - Y tế		5,000,000.000	-	-	1,500,000.000	-	1,500,000.000		
1	Cải tạo khuôn viên trường Mầm non thị trấn Thanh Miện (cũ) thành công viên cây xanh		5,000,000.000			1,500,000.000	-	1,500,000.000	-	
F	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và Quy hoạch chi tiết các công trình, dự án, Chợ dân sinh		19,518,915.000	-	-	8,968,915.000	-	8,968,915.000	-	
1	Điểm dân cư mới thôn Bằng Bộ (khu Sau Hàng)	QĐ số 108/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	15,000,000.000			6,200,000.000	-	6,200,000.000	-	
2	Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Cự Trì, xã Thanh Miện (giai đoạn 2)		1,868,915.000			1,868,915.000	-	1,868,915.000	-	
3	Lập quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết các Trường, Trạm y tế		2,650,000.000			900,000.000	-	900,000.000	-	
G	Lĩnh vực quản lý nhà nước		2,700,000.000	-	-	1,475,263.125	-	-	1,475,263.125	
1	Cải tạo, sửa chữa sân trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND xã	QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 12/3/2026	2,700,000.000			1,475,263.125	-	-	1,475,263.125	

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

		Quyết định chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		Nhu cầu vốn còn thiếu chuyển sang giai đoạn 2026 - 2030	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 SAU ĐIỀU CHỈNH				Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Nguồn vốn đã bố trí giai đoạn 2021-2025		Tổng nguồn vốn	Trong đó:		Nguồn khác (Nguồn tăng thu năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026)	
							Nguồn NS thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã	Nguồn thu tiền sử dụng đất NS xã		
1	2	3	4	5	6=4-5	15=16+17+18	16	17	18	19

